

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ CÚ
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 23-02-2024
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thạch Tấn Thành

Bà Trần Thị Tím

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Chế Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 23 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 327/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Bảo X, sinh ngày 04/4/1996;

Địa chỉ: ấp P, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh S, sinh ngày 04/9/1985;

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/5/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Bảo X trình bày: Vào năm 2017, chị và anh Nguyễn Thanh S có quen biết trước và qua tìm hiểu nên tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân với nhau, được cha mẹ hai bên đồng ý cho phép tổ chức lễ cưới theo phong tục, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, được Ủy ban nhân dân xã cấp giấy chứng nhận kết hôn số 39, ngày 20/3/2017. Sau ngày cưới thì vợ chồng về sống chung bên cha mẹ ruột của chị X, vợ chồng sống rất hạnh phúc, luôn quan tâm chăm sóc nhau và đến năm 2020 do cuộc sống nên vợ chồng chuyển về bên cha mẹ chồng sinh sống làm ăn tại ấp Đ, xã T, nhưng kể từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh S đi làm mà không đưa tiền cho chị đồng nào còn ăn chơi gây ra nợ nần đến

nổi chủ nợ đến tận nhà để đòi tiền, chị và mẹ chồng có hỏi thì anh S nói tiền anh làm anh xài, cứ như vậy hết lần này đến lần khác, ngược lại anh S còn xin chị và mẹ chồng để tiêu xài, anh S còn lấy xe riêng của chị đi cầm cố cho đến nay không chuộc được, chị nhiều lần khuyên nhưng anh S vẫn không thay đổi mà còn chửi chị rất thậm tệ, xúc phạm đến danh dự nhân phẩm chị, rất nhiều lần xua đuổi không cho chị ở trong nhà anh S, không dừng lại ở đó anh S còn chửi luôn cả mẹ anh S. Từ đó mâu thuẫn trở nên gay gắt và chị đã về nhà mẹ ruột sống. Đến nay, nhận thấy tính nết của anh S không thể nào thay đổi được, sống chung với anh S càng ngày càng khổ, chị đã không còn yêu thương và dành tình cảm cho anh S nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị quyết định không thể tiếp tục chung sống với anh S. Về con chung, tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn, anh Nguyễn Thanh S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 09/11/2023 và ngày 20/12/2023 (do bà Võ Thị T, sinh năm 1953 cùng địa chỉ ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh là mẹ ruột anh S nhận thay) nhưng anh S vắng mặt không lý do, chị Nguyễn Bảo X có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử; Tòa án triệu tập anh S tham gia phiên tòa ngày 15/02/2024 và phiên tòa hôm nay nhưng anh S vắng mặt không lý do nên không có lời khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt cho bị đơn các văn bản tố tụng từ khi thụ lý, thông báo về các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập bị đơn anh Nguyễn Thanh S tham gia phiên tòa sơ thẩm xét xử vụ án theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn anh Nguyễn Thanh S vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Đồng thời, chị Nguyễn Bảo X có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227 và 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Chị Nguyễn Bảo X và anh Nguyễn Thanh S xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 20/3/2017 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên hôn nhân của chị Nguyễn Bảo X và anh Nguyễn Thanh S là hợp pháp. Theo lời khai của chị X, quá trình chung sống không có con chung, vợ chồng hạnh phúc được khoảng 05 năm thì xảy ra mâu thuẫn, chị X đã về nhà cha mẹ ruột tại ấp P, xã S, huyện C sinh sống từ tháng 5/2023 và sống ly thân cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải để động viên, thuyết phục để tạo điều kiện cho hai bên hàn gắn, đoàn tụ xây dựng gia đình nhưng không đạt kết quả do

anh **Nguyễn Thanh S** không đến Tòa án tham gia tố tụng và cũng không gửi văn bản nêu ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Bảo X**. Chị **Nguyễn Bảo X** kiên quyết ly hôn, thời gian ly thân từ tháng 5/2023 đến nay cả anh **S** và chị **X** không ai tạo điều kiện hàn gắn, chứng tỏ đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, nếu có duy trì thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị **Nguyễn Bảo X** được ly hôn với anh **Nguyễn Thanh S** theo yêu cầu một bên.

[3] Về con chung, về tài sản chung và nợ chung không có nên không giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chị **Nguyễn Bảo X** phải chịu toàn bộ án phí.
 Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 177, 227, 228, 238 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Bảo X** về việc yêu cầu ly hôn với anh **Nguyễn Thanh S**.

2. Về án phí: Nguyên đơn chị **Nguyễn Bảo X** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp bằng 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0018421, ngày 18/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Cú. Bị đơn anh **Nguyễn Thanh S** không phải chịu án phí.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị **Nguyễn Bảo X**, bị đơn anh **Nguyễn Thanh S** vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- UBND xã Tập Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
 THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Duyên